

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày tháng năm 2023

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số:/XLNT/NN-2023

DỰ ÁN:

THIẾT KẾ, CUNG CẤP THIẾT BỊ VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS, CÔNG SUẤT 80 M³/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ E5, ĐƯỜNG SỐ 9, CỤM CÔNG NGHIỆP HẢI SƠN ĐỨC HÒA ĐÔNG, XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN, VIỆT NAM

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

Và

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM NHẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—oOo—

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số:/XLNT/NN-20...

(V/v: Thiết kế, thi công, xây dựng, lắp đặt trọn gói hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm)

Căn cứ Bộ Luật Dân sự hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Căn cứ Luật Thương mại hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Căn cứ Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên

Căn cứ Nội dung thương thảo hợp đồng ngày 24/06/2023 giữa Công ty cổ phần sản xuất thực phẩm Ngọc Thom foods và Công ty TNHH Xây dựng và CNMT Nam Nhật

....., ngày...tháng...năm 202..., tại văn phòng công ty CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM NHẬT, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS

Địa chỉ : Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam

Mã số thuế : 1102026993

Đại diện : Bà Trần Thị Thơm

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM NHẬT

Địa chỉ : 35/12 Nguyễn Tư Giản, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0376372014

Mã số thuế : 0316312710

Tài khoản : 12994987 – Ngân Hàng ACB chi nhánh Phan Huy Ích – Gò Vấp - TPHCM

Đại diện : Ông Lê Văn Tú

Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi thỏa thuận và bàn bạc, các bên thống nhất ký hợp đồng này (“Hợp Đồng”) với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1.1 Bên A đồng ý giao cho Bên B và Bên B đồng ý nhận việc:

Thiết kế, thi công, lắp đặt trọn gói hệ thống xử lý nước thải công suất **80 m³/ngày, đêm**. Bên B thực hiện thiết kế, thi công, lắp đặt trọn gói hệ thống xử lý nước thải này và dẫn ra đến công thoát nước thải của nhà máy hoặc dẫn về nguồn xả mà bên B chỉ định.

1.2 Các hạng mục, thiết bị được vận chuyển đến để thực hiện việc thiết kế, thi công, lắp đặt trọn gói HTXLNT, được nêu chi tiết trong thuyết minh hồ sơ báo giá, đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu:

- a. Yêu cầu đúng chủng loại theo danh mục thiết bị, vật tư đã được Bên A phê duyệt. Phần danh mục thiết bị và vật tư báo giá là một phụ lục không thể tách rời hợp đồng này.
- b. Nước thải sau xử lý đạt cột **B** theo QCVN 40:2011/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả thải ra công thoát nước chung.
- c. Hệ thống bể và thiết bị đáp ứng hệ số an toàn 1.2 (trong trường hợp bổ sung thêm 01 bơm cho bể thu gom - T01, 01 bơm cho bể điều hòa - T03, 01 bơm cho bể khử trùng - T07)

1.3 Các thông tin liên lạc

Tất cả các thông tin điều khoản và điều kiện của hợp đồng này, mà quy định các bên đưa ra thông qua các yêu cầu về việc đề nghị hoặc ban hành, thoả thuận và chấp thuận một vấn đề nào đó, thì các bên phải thông tin cho nhau bằng một trong các cách sau:

Bằng văn bản và chuyển trực tiếp (theo giấy biên nhận), được gửi bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email, đảm bảo rằng các thông tin đến với hai Bên.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

2.1 Chất lượng công trình do Bên B nhận thi công thực hiện, phải đáp ứng được yêu cầu đã được Bên A phê duyệt, với kết quả cuối cùng là cung cấp cho Bên A một sản phẩm hoàn chỉnh, an toàn, vận hành một cách hiệu quả, cụ thể như sau:

- a. **Chất lượng vật tư:**
Bên B bảo đảm cung cấp thiết bị, máy móc, vật tư được sử dụng vào việc xây dựng và lắp đặt cho công trình là mới 100% và phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng, thương hiệu tiêu chuẩn theo đúng bảng báo giá đã được Bên A phê duyệt.
- b. **Chất lượng về công nghệ áp dụng:**
Đây chuyên công nghệ mà Bên B áp dụng cho việc xây dựng, lắp đặt HTXLNT phải đảm bảo: nước thải sau xử lý đạt cột **B** theo QCVN 40:2011/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) và đáp ứng hệ số an toàn từ 1.2 khi đáp ứng yêu cầu bổ sung thêm bơm.
Trong quá trình thiết kế, thi công, lắp đặt, vận hành và bàn giao hệ thống XLNT nếu Bên B cung cấp công trình dịch vụ không đáp ứng quy định tại Khoản 2.1 như trên thì Bên B bằng chi phí của mình phải hoàn thành nghĩa vụ cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung đã cam kết trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A

ĐIỀU 3: PHẠM VI CÔNG VIỆC

Nhà thầu sẽ thực hiện việc thiết kế - xin giấy phép môi trường- cung cấp vật tư, thiết bị - thi công xây dựng - vận hành thử - đào tạo chuyên gia công nghệ - xin xác nhận hoàn thành công trình cho trạm xử lý nước thải được mô tả trong Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư và hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

Các công việc thiết kế - cung cấp vật tư, thiết bị - thi công xây dựng - vận hành thử - đào tạo chuyên gia công nghệ - xin xác nhận hoàn thành công trình cho trạm xử lý nước thải nói trên gọi chung là Công việc

sẽ được thực hiện phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng và đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư một cách hợp lý, với mục đích cuối cùng là cung cấp cho Chủ đầu tư một công trình hoàn chỉnh, an toàn và vận hành một cách hiệu quả. Nhà thầu sẽ:

3.1 Chịu trách nhiệm hoàn thiện các hạng mục thi công và thông báo nghiệm thu cho Bên A và người giám sát bên A bằng văn bản hoặc tin nhắn có phản hồi xác nhận trong vòng 24 h trước khi triển khai các hạng mục tiếp theo.

3.2 Chịu trách nhiệm khắc phục trong trường hợp do lỗi thi công không đúng Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, chất lượng công trình yếu kém.

3.3 Chịu trách nhiệm lập hồ sơ nghiệm thu, quyết toán công trình, và thanh lý hợp đồng.

3.4 Cam kết có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật xây dựng để thực hiện việc thi công xây dựng công trình mà bên A đã chỉ định.

3.5 Cam kết lập tiến độ và thi công theo đúng thỏa thuận hai bên.

3.6 Ngoài các nội dung trên Bên B có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung khác thể hiện trên Phụ lục được đính kèm hợp đồng này .

3.7 Trường hợp phát sinh năm ngoài Hợp đồng, hai Bên thỏa thuận và thống nhất phương án để đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình và các yêu cầu khác có liên quan.

3.8 Chuẩn bị chạy thử (vận hành) công trình như quy định tại Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư và Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu; Tính toán chi phí vận hành đảm bảo chi phí vận hành đúng như cam kết của Nhà thầu trong hồ sơ dự thầu.

3.9 Giám sát và chỉ đạo việc chạy thử công trình;

3.10 Phối hợp với các Nhà thầu phụ, nhà cung cấp, các Bên khác do Nhà thầu thuê có liên quan đến công việc và với các Nhà bán quyền công nghệ (nếu có) nhằm đảm bảo rằng tất cả các vật tư, thiết bị sử dụng vào công trình đúng theo quy định của hợp đồng;

3.11 Đào tạo, hướng dẫn nhân lực của Chủ đầu tư để vận hành và bảo trì công trình trong phạm vi được quy định cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt theo **cột B** của QVCN 40:2011/BTNMT, và theo ĐTM được duyệt của nhà máy xử lý nước thải này.

Thực hiện hoàn công theo đúng quy định hiện hành; Thực hiện việc xác nhận hoàn thành công trình xử lý nước thải cho "**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS**"

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

4.1. Tổng chi phí phải thanh toán cho Bên B để Bên B hoàn tất mọi nghĩa vụ theo Hợp đồng này là:

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
Thiết kế, xin giấy phép môi trường, lắp đặt trọn gói hệ thống xử lý nước thải công suất 80m ³ /ngày.đêm	01	1.364.224.000	1.364.224.000
Tổng cộng (chưa VAT)			1.364.224.000
Thuế VAT (8%)			109.137.920
Tổng cộng (đã bao gồm VAT)			1.473.361.920

Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm 8 % VAT): **Một tỉ, bốn trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm hai mươi đồng.**

Tổng giá trị hợp đồng này đã bao gồm chi phí vật tư, trang thiết bị theo Bảng báo giá đã được Bên A phê duyệt cùng tất cả các chi phí nhân công, vận chuyển, lắp đặt, vận hành. Chi tiết khối lượng, chủng loại vật tư và thiết bị lắp đặt theo khối lượng dự toán trong Phụ Lục Hợp Đồng đính kèm.

Giá trị hợp đồng khoán gọn sẽ không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, nếu có phát sinh các hạng mục không thuộc Phạm vi công việc đã quy định trong hợp đồng, chi phí phát sinh này phải được sự đồng ý chấp thuận của Bên A và được xác nhận bằng phụ lục hợp đồng mới có giá trị quyết toán.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

5.1. Hình thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền đồng Việt Nam và được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng được chỉ định bởi Bên B.

5.2. Phương thức thanh toán:

- Đợt 1:

- Bên A sẽ thanh toán **10%** giá trị hợp đồng tương đương **147.336.192 đồng** (Một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi hai đồng) trong vòng 03 ngày làm việc sau khi ký Hợp đồng. Sau khi nhận được số tiền này, Bên B sẽ nhận mặt bằng, tập kết máy móc thiết bị để tiến hành thi công, lắp đặt thiết bị.
- Bên A sẽ thanh toán tiếp **20%** giá trị hợp đồng tương đương **294.672.384 đồng** (Hai trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng) trong vòng 03 ngày làm việc sau khi bên B hoàn thành tập kết máy móc thiết bị.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- + Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu;
- + Biên bản nghiệm thu tập kết thiết bị (thiết bị chính) đến công trình theo quy định (sau khi tập kết thiết bị);
- + Bộ hồ sơ xuất xứ của thiết bị (bản sao y) (sau khi tập kết thiết bị);

+ Bản gốc Hoá đơn giá trị gia tăng cho số tiền nói trên từ Bên B.

- **Đợt 2:** Sau khi Bên B hoàn tất công việc ép cọc và được bên A nghiệm thu. Bên A sẽ thanh toán tiếp **30%** giá trị hợp đồng tương đương **442.008.576 đồng** (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, không trăm lẻ tám nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng) trong vòng 03 ngày làm việc

Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu;

+ Biên bản nghiệm thu công việc ép cọc;

+ Bản gốc Hoá đơn giá trị gia tăng cho số tiền nói trên từ Bên B;

- **Đợt 3:** Sau khi Bên B hoàn tất xong các hạng mục xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị trong phụ lục hợp đồng, ký biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng, lắp đặt thiết bị và hướng dẫn vận hành cho nhân viên kỹ thuật của bên A. Bên A sẽ thanh toán tiếp **30%** giá trị hợp đồng tương đương **442.008.576 đồng** (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, không trăm lẻ tám nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng) trong vòng 03 ngày làm việc. Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng, lắp đặt thiết bị và biên bản hoàn thành hướng dẫn vận hành;

+ Bản gốc Hoá đơn giá trị gia tăng cho số tiền nói trên từ Bên B.

- **Thanh toán đợt cuối:**

▪ Sau khi Bên A và Bên B tiến hành lấy mẫu phân tích và có kết quả đạt cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT và ký biên bản nghiệm thu bàn giao hệ thống thì Bên A sẽ thanh toán **5%** giá trị hợp đồng tương đương **73.668.096 đồng** (Bảy mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng) trong vòng 03 ngày làm việc.

▪ Sau khi Bên A nhận được chứng thư bảo lãnh bảo hành từ ngân hàng của bên B thì Bên A sẽ thanh toán **5%** giá trị hợp đồng còn lại tương đương **73.668.096 đồng** (Bảy mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng) trong vòng 03 ngày làm việc. Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu;

+ Bản gốc Hoá đơn giá trị gia tăng cho số tiền nói trên từ Bên B.

+ Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

+ Mẫu kết quả thể hiện chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu;

5.3. Hồ sơ thanh toán:

- Giấy đề nghị thanh toán

- Mẫu kết quả thể hiện chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu

- Biên bản nghiệm thu

- Hóa đơn giá trị gia tăng

BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

Các thiết bị được Bên B cung cấp sẽ bảo hành trong thời hạn **12 (mười hai) tháng** tính từ ngày bên A đi vào sản xuất nhưng không quá tháng 06/2024.

ĐIỀU 6: TIẾN ĐỘ CÔNG VIỆC

- Thời gian thực hiện hợp đồng: **119 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng (không bao gồm ngày lễ, Tết và thời gian chờ nước thải đạt $80m^3/ngày$ đêm).
- Trường hợp Bên B thi công công trình, đưa công trình vào vận hành theo đúng tiến độ mà không thể nghiệm thu được vì các nguyên nhân không phải do lỗi của Bên B hoặc do Bên A không cung cấp đủ nước thải để tiến hành vận hành và nghiệm thu thì bên A phải tiến hành thanh toán cho Bên B theo các điều khoản thanh toán.

ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

7.1 Trách nhiệm Bên B:

- Đảm bảo có đầy đủ năng lực thực hiện Hợp Đồng này và có đầy đủ các loại giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện Hợp Đồng này.
- Được Quyền thực hiện những công việc mà Bên B đã liệt kê trong bảng báo giá, phụ lục hợp đồng và hợp đồng này mà các bên đã thông nhất và được Bên A phê duyệt, trường hợp khi thực hiện mà phát sinh những hạng mục công việc khác ngoài nội dung đã thỏa thuận thì Bên B sẽ thông báo trực tiếp với giám sát Bên A và có văn bản xác nhận thực tế. Các bên sẽ thỏa thuận chi phí phát sinh trước khi thực hiện.
- Bên B cam kết nêu công nghệ, thiết bị hệ thống xử lý nước thải Bên B đã đưa ra không đáp ứng được khả năng xử lý nước thải đạt cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm trước các quyết định của cụm công nghiệp, khu công nghiệp. Trường hợp nước thải Bên A xả ra vượt công suất theo thiết kế của Bên B, hoặc lỗi phát sinh do Bên A gây ra dẫn đến chất lượng đầu ra bị ảnh hưởng thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm.
- Hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo về kỹ thuật, chất lượng công trình, đảm bảo thi công theo đúng quy trình, quy phạm trong kỹ thuật cơ bản và an toàn tuyệt đối. Chịu sự giám sát của Bên A trong quá trình thi công.
- Cung cấp vật tư, thiết bị mới 100% theo đúng chủng loại, xuất xứ đã cam kết.
- Cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến thiết bị như CO, CQ.... Các giấy tờ liên quan đến vật tư, thiết bị do bên thứ 3 cung cấp như bê tông tươi (giấy phép kinh doanh, giấy xác nhận kiểm định Mác bê tông) Tất cả các hạng mục đổ bê tông phải có kết quả thí nghiệm nén mẫu bê tông thì mới được coi là đổ bê tông xong, cọc bê tông (giấy phép kinh doanh, giấy xác nhận kết cấu thép) Mác bê tông, sắt thép (giấy phép kinh doanh, giấy xác nhận kiểm định chất lượng). Trường hợp bên B mua cọc của đơn vị thứ 3 không phải của bên B thì phải có lý lịch cọc, hồ sơ năng lực của xưởng sản xuất cọc, kết quả thí nghiệm cọc.
- Tự đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động cho người và thiết bị trong suốt quá trình thi công. Tự chịu mọi trách nhiệm nếu xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thi công lắp đặt hệ thống.
- Chịu trách nhiệm về kỹ thuật, an toàn về điện, phòng cháy, nổ liên quan đến công trình cho Bên A và khu vực xung quanh trong suốt thời gian thi công công trình.

- Đảm bảo an toàn về cơ sở vật chất của Bên A và bên thứ ba (nếu có). Tuân thủ các quy định của Bên A về mọi hoạt động trong khu vực thi công. Bồi thường thiệt hại nếu Bên B gây thiệt hại về người và tài sản cho Bên A hoặc bên thứ ba trong suốt thời gian thi công công trình.
- Giao trả lại toàn bộ mặt bằng khu vực thi công (dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ) sau khi hoàn thành công trình cho Bên A.
- Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ và các giấy tờ về chất lượng sản phẩm, chất lượng thi công cho Bên A trước khi thanh toán theo từng quy định của pháp luật hiện hành.
- Đảm bảo nước thải sau khi xử lý tại cơ sở của Bên A sẽ đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột ...).
- Có trách nhiệm bảo hành hệ thống theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.

7.2 Trách nhiệm Bên A:

- Có đầy đủ giấy phép hợp lệ để hoạt động sản xuất (giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy chủ quyền đất/hợp đồng thuê đất ...).
- Định vị và tạo mặt bằng thi công cho Bên B, phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan trên khu vực đặt hệ thống xử lý.
- Có quyền giám sát Bên B khi Bên B thực hiện các công việc trong suốt quá trình thi công xây dựng (bao gồm trong thời gian Bên B lắp đặt hệ thống xử lý và Bên B chỉnh sửa những hạng mục không đúng yêu cầu như bản vẽ kỹ thuật thi công). Trong trường hợp khi Bên B đã thực hiện xong các hạng mục trong Phụ Lục Hợp Đồng đính kèm và đúng quy định thì mọi khiếu nại hay ý kiến sau này Bên B sẽ không chịu trách nhiệm giải quyết.
- Đảm bảo an ninh chung, tránh để xảy ra mất mát thiết bị vật tư của Bên B trong thời gian thi công.
- Cung cấp nguồn điện tới tủ điều khiển của hệ thống xử lý, nguồn nước sạch đến chân công trình để phục vụ cho công tác thi công, vận hành.
- Tạo điều kiện cho Bên B nghiệm thu và bàn giao công trình. Duyệt hồ sơ cho Bên B khi các khối lượng đạt yêu cầu, đúng, đủ theo nội dung đã được phê duyệt. Trong trường hợp quá **07 (bảy) ngày** kể từ khi Bên B trình đầy đủ hồ sơ hợp lệ và chất lượng công trình đạt yêu cầu, nhưng Bên A chậm hoặc không xét duyệt hồ sơ mà không có lý do (gửi bằng văn bản thông báo cho Bên B) thì xem như hồ sơ đã được duyệt và là hồ sơ hợp lệ làm căn cứ khi giải quyết.
- Thanh toán cho Bên B đúng tiến độ theo Điều 4 của hợp đồng.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

8.1. Nhân lực của Chủ đầu tư

8.1.1. Đại diện của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chỉ định người đại diện để thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Nhà thầu thông báo về tên, địa chỉ, nhiệm vụ và quyền hạn của người đại diện.

Đại diện của Chủ đầu tư sẽ phải thực thi các nhiệm vụ đã được phân công cho mình và sẽ thực hiện các quyền

lực được uỷ quyền bởi Chủ đầu tư. Trừ khi và cho đến khi Chủ đầu tư thông báo khác cho Nhà thầu, Đại diện của Chủ đầu tư được coi là có toàn quyền của Chủ đầu tư theo Hợp đồng.

Nếu Chủ đầu tư muốn thay thế bất cứ người nào được chỉ định làm đại diện cho mình thì trong vòng không ít hơn 10 ngày, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Nhà thầu một thông báo về tên, địa chỉ, nhiệm vụ và quyền hạn cùng ngày chỉ định người thay thế.

8.1.2. Nhân viên khác của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chỉ định nhân viên đại diện để thực hiện một số công việc cụ thể của hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải cung cấp cho nhà thầu thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về tên, các thông tin để liên lạc, nhiệm vụ và quyền hạn của nhân viên này

Những nhân viên này phải là những người có trình độ thích hợp, có đủ trình độ thực hiện những nhiệm vụ và những quyền hạn được giao

8.2. Khiếu nại của Chủ đầu tư

Nếu Chủ đầu tư tự xét thấy mình có quyền với bất kỳ thanh toán nào theo bất cứ điều nào của những Điều kiện này hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng, và/ hoặc đối với việc kéo dài thời gian thông báo sai sót, Chủ đầu tư phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.

Phải thông báo càng sớm càng tốt sau khi Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài Thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.

8.3. Quyết định

Bất kể khi nào, Điều kiện này quy định rằng Chủ đầu tư phải đồng ý hoặc quyết định vấn đề, Chủ đầu tư phải trao đổi với Nhà thầu để cố gắng đi đến thoả thuận. Nếu không đạt được thoả thuận, Chủ đầu tư phải đưa ra một quyết định khách quan phù hợp Hợp đồng với sự xem xét kỹ tất cả các bối cảnh liên quan.

Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu từng thoả thuận hoặc quyết định với các thông tin cụ thể chứng minh. Mỗi bên phải cố gắng tôn trọng hiệu lực của mỗi thoả thuận hoặc quyết định, trừ khi Nhà thầu đưa ra một thông báo cho Chủ đầu tư về sự không thoả mãn của mình với quyết định trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo.

8.4. Quyền cho Nhà thầu tiếp cận công trường

Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và sử dụng toàn bộ các phần của công trường trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư phải cho phép Nhà thầu quyền tiếp cận và quyền sử dụng công trường để triển khai thi công xây dựng công trình đúng theo tiến độ thực hiện công việc đã trình cho Chủ đầu tư.

8.5. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư.

a) Thanh toán hợp đồng đúng hạn. Nếu thanh toán chậm trễ bất kỳ khoản tiền nào quá 07 ngày kể từ ngày đến hạn, Nhà thầu sẽ có quyền tạm ngưng công việc. Trong trường hợp Nhà thầu vẫn quyết định tiếp tục công việc, thì thời gian chậm trễ thanh toán kể từ ngày thứ 8 kể từ ngày đến hạn sẽ được cộng thêm vào thời hạn hoàn thành công trình.

b) Chuẩn bị công trường sẵn sàng cho Nhà thầu cho mục đích xây dựng công trình.

- c) Được quyền, bằng chi phí của mình, giám sát việc triển khai công việc của Nhà thầu.
- d) Thực hiện các nghĩa vụ và công việc kiểm tra của mình với thiện chí cao nhất và phù hợp theo quy định của hợp đồng, theo một cách thức phù hợp để tránh việc gia tăng chi phí, hay chậm trễ hoặc cản trở không có lý do xác đáng đối với công trình và/hoặc các cản trở ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công việc của Nhà thầu.
- e) Hỗ trợ Nhà thầu trong việc nhập khẩu thiết bị và lắp đặt công trình từ các cơ quan hữu quan của Việt Nam trong phạm vi trách nhiệm của Chủ đầu tư do pháp luật quy định.
- f) Mọi yêu cầu thanh toán được gửi sang cho Chủ đầu tư để phê duyệt thì Chủ đầu tư phải trả lời được hay không trong vòng 05 ngày sau khi nhận được yêu cầu đó của Nhà thầu. Trong trường hợp từ chối, Chủ đầu tư phải tổ chức cuộc họp với Nhà thầu trong thời hạn 03 ngày tiếp theo để giải quyết dứt điểm vấn đề.
- g) Hỗ trợ Nhà thầu về các thủ tục hành chính trong phạm vi trách nhiệm của Chủ đầu tư do pháp luật quy định.
- h) Bàn giao mặt bằng và mốc định vị cao độ, tọa độ phục vụ thi công; nếu chủ đầu tư chậm trễ trong việc bàn giao mặt bằng hoặc vì lý do nào đó nhà thầu không thể triển khai thi công thì thời gian chậm trễ được cộng vào tiến độ cho Nhà thầu.
- i) Bố trí nhân viên vận hành tham gia lớp đào tạo, hướng dẫn vận hành do Nhà thầu tổ chức;
- j) Bố trí người tiếp nhận vận hành sau khi Nhà thầu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

8.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu phải thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công công trình theo Hợp đồng và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình. Khi đã hoàn thành, công trình phải đúng theo mục đích sử dụng như xác định trong Hợp đồng.

Nhà thầu phải cung cấp thiết bị và tài liệu của Nhà thầu được nêu trong Hợp đồng và toàn bộ người của Nhà thầu, hàng hoá, vật liệu tiêu hao, những thứ khác và dịch vụ bất kể là tạm thời hay lâu dài được yêu cầu trong thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa sai sót.

Công trình này phải bao gồm tất cả công việc cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Chủ đầu tư, cần thiết cho sự ổn định hoặc việc hoàn thành hoặc sự an toàn và bản thân sự vận hành tốt công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự thoả đáng, ổn định và an toàn cho việc hoạt động trên công trường, các phương pháp xây dựng và toàn bộ công trình.

Nhà thầu, bất cứ khi nào Chủ đầu tư yêu cầu, phải đệ trình các chi tiết của việc bố trí và các phương pháp mà Nhà thầu đề xuất áp dụng cho việc thi công công trình. Không được thay đổi đáng kể những sự bố trí và các phương pháp nếu không thông báo trước với Chủ đầu tư.

9.1. Đại diện Nhà thầu

Nhà thầu phải chỉ định đại diện Nhà thầu và uỷ quyền cho người đại diện thay mặt Nhà thầu quản lý thực hiện Hợp đồng.

Trừ khi đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước ngày khởi công, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư tên và các chi tiết của người mà Nhà thầu đề nghị làm Đại diện của Nhà thầu để xem xét và đồng ý. Nếu người này không được chấp nhận hoặc sau đó bị gạt bỏ hoặc nếu người được bổ nhiệm không đảm bảo hoạt động với tư cách là người đại diện Nhà thầu thì, một cách tương tự, Nhà thầu phải trình tên và các thông tin chi tiết của người đại diện khác thích hợp cho vị trí này.

Nếu không được sự đồng ý trước của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được bãi nhiệm đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế.

Đại diện của Nhà thầu có thể uỷ quyền chức năng và thẩm quyền cho những người có năng lực và có thể huỷ bỏ việc uỷ quyền này tại bất cứ thời điểm nào. Việc uỷ quyền hoặc huỷ bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Chủ đầu tư nhận được thông báo trước do đại diện nhà thầu ký, nêu tên người này và quy định quyền, chức năng và thẩm quyền được giao hoặc huỷ bỏ.

9.2. Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc phóng tuyến của công trình.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo đề tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Nhà thầu phải cố gắng thích hợp để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

9.3. Các quy định về an toàn

Nhà thầu phải:

- a) Tuân thủ tất cả quy định an toàn lao động hiện hành;
- b) Chịu trách nhiệm về an toàn cho tất cả những người được phép có mặt trên công trường;
- c) Có biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và cho những người được phép có mặt trên công trường.

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hồng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết, của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cấu tạo, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hồng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hồng hóc hay mất mát này:

– Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

– Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được nhà thầu thuê.

9.4. Điều kiện về công trường

Chủ đầu tư phải cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa chất, địa chất thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến Hợp đồng.

Trong phạm vi có thể thực hiện được, Nhà thầu được coi là đã có được tất cả những thông tin cần thiết về những rủi ro, bất trắc và những tình huống khác có thể ảnh hưởng hoặc tác động đến công trình. Nhà thầu được coi là đã thăm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thoả mãn về tất cả những khía cạnh có liên quan, bao gồm (không hạn chế) về:

- (a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình,
- (b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- (c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.
- (d) Các qui định của pháp luật về lao động;
- (e) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã đủ thông tin về tính đúng và đủ của điều kiện công trường để xác định Giá hợp đồng.

9.5. Quyền về đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu, tự mình, cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

9.6. Đường vào công trường

Nhà thầu phải được coi là đã thoả mãn về sự có sẵn và phù hợp của các tuyến đường tới công trường. Nhà thầu phải nỗ lực hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác, nhà thầu phải:

- (a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;
- (b) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- (c) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;
- (d) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào, và

(e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường vào cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

9.7. Vận chuyển Hàng hoá

Trừ khi có quy định khác:

(a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục hàng hoá chính khác được vận chuyển tới công trường;

(b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hoá và các vật dụng khác cần cho công trình; và

(c) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển hàng hoá và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu đòi đền bù phát sinh từ việc vận tải của họ.

9.8. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị Nhà thầu. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải là để dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một mục thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý đối với các xe cộ vận chuyển hàng hoá hoặc Nhân lực Nhà thầu ra khỏi công trường.

9.9. Bảo vệ Môi trường

Nhà thầu phải thực hiện các giải pháp hợp lý để bảo vệ môi trường (cả trên và ngoài công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác từ hoạt động của Nhà thầu gây ra.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không được vượt quá mức quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư và không được vượt quá mức quy định của Luật hiện hành.

9.10. Điện, nước và dịch vụ khác

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng cho mục đích thi công Công trình việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu, tự mình phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

9.11. Báo cáo Tiến độ

Báo cáo tiến độ được thực hiện định kỳ 15 ngày một lần bắt đầu từ ngày khởi công công trình, nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Chủ đầu tư 02 bản.

Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn tại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Biên bản nghiệm thu công trình.

Mỗi báo cáo phải có:

- (a) Sơ đồ và mô tả chi tiết tiến độ, bao gồm từng giai đoạn thiết kế, mua sắm thiết bị, gia công, vận chuyển tới công trình, thi công, lắp dựng, kiểm tra và vận hành thử;
- (b) Ảnh mô tả tình trạng gia công chế tạo và tiến độ trên công trường;
- (c) Đối với việc gia công chế tạo thiết bị thì tiến độ còn phải mô tả chủng loại vật tư, xuất xứ, tỷ lệ (%) hoàn thành tiến độ và ngày đã bắt đầu hoặc dự kiến sẽ bắt đầu, gồm:
 - ✓ Bắt đầu gia công chế tạo,
 - ✓ Thử nghiệm của Nhà thầu,
 - ✓ Kiểm định của Chủ đầu tư và
 - ✓ Vận chuyển tới công trường;
- (d) Các chi tiết về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu];
- (e) Bản sao tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thử và chứng chỉ của vật liệu;
- (f) Số liệu thống kê về an toàn, gồm chi tiết của các hoạt động và các trường hợp nguy hại liên quan đến yếu tố môi trường và quan hệ công cộng; và
- (g) So sánh tiến độ theo kế hoạch và tiến độ thực tế, với chi tiết của mọi sự việc hoặc tình huống có thể gây nguy hiểm cho việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục sự chậm trễ.

9.12. An ninh công trường

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc không cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường.

Những người có nhiệm vụ được giới hạn trong phạm vi nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu biết, là những người có nhiệm vụ của các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê làm việc trên công trường.

9.13. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường, và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi Biên bản nghiệm thu đã được cấp cho công trình, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những hàng hoá cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ

theo Hợp đồng.

9.14. Đào tạo

Nhà thầu sẽ tiến hành đào tạo nhân lực của Chủ đầu tư để vận hành và bảo trì công trình trong phạm vi được quy định cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình được coi là hoàn thành để bàn giao khi đào tạo được hoàn thành.

9.15. Tài liệu hoàn công

Nhà thầu sẽ chuẩn bị và kịp thời cập nhật một bộ hồ sơ đầy đủ các tài liệu hoàn công về công tác thi công công trình, chỉ rõ chính xác các vị trí, kích cỡ và các chi tiết của công trình xây dựng như đã được thi công. Những tài liệu này sẽ được giữ ở công trường và được sử dụng riêng cho những mục đích của Khoản này. Chủ đầu tư sẽ được cung cấp 04 bản của những hồ sơ này trước khi tiến hành kiểm định khi hoàn thành.

Ngoài ra, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các bản vẽ hoàn công của các công trình, cho thấy tất cả những chi tiết công trình được thực hiện và trình những bản vẽ đó cho Chủ đầu tư để xem xét phê duyệt. Nhà thầu sẽ nhận được sự chấp thuận của Chủ đầu tư về kích thước của chúng, hệ thống tham chiếu và các chi tiết liên quan khác.

Trước khi cấp biên bản nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư những số liệu cụ thể và các bản vẽ hoàn công theo các yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để nghiệm thu khi Chủ đầu tư chưa nhận được những tài liệu này.

9.16. Hướng dẫn vận hành và bảo trì

Trước khi tiến hành vận hành thử khi hoàn thành, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư những tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo trì tạm thời đầy đủ các chi tiết để Chủ đầu tư có thể vận hành, bảo dưỡng, tháo dỡ, lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa các thiết bị.

Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để nghiệm thu khi Chủ đầu tư chưa nhận được những tài liệu hướng dẫn chi tiết cuối cùng về vận hành và bảo trì và những tài liệu hướng dẫn khác được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư cho những mục đích này.

9.17. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG

10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên và xảy ra không do lỗi của bên nào như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng, tuy nhiên bên bị ảnh hưởng của bất khả kháng phải có nghĩa vụ:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo ngay trong vòng 3 ngày cho bên kia bằng văn bản về sự kiện bất khả kháng

10.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên kia bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình, và được hai bên cùng nhau xác nhận bằng văn bản.

Điều 11: Sự cẩn trọng của Nhà thầu đối với công trình

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hoá từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Sau khi phát hành Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng lúc đó trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong Biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, hàng hoá hoặc tài liệu của Nhà thầu trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, hàng hoá và tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng.

Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm và xử lý tất cả công việc cho đúng với những cam kết của nhà thầu theo hồ sơ dự thầu và nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

12.1. Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này. Nếu có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng thì các bên sẽ cùng nhau bàn bạc hướng giải quyết trên tinh thần hợp tác và thiện chí. Trường hợp một trong hai bên tự ý tạm dừng hoặc hủy hợp đồng mà không xác định được lỗi do bên kia gây ra thì bên tự ý tạm dừng hoặc hủy hợp đồng phải bồi hoàn 10% tổng giá trị hợp đồng.

12.2 Mọi tranh chấp không giải quyết được bởi các bên sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

12.3. Toàn bộ các tài liệu và bảng phụ lục kèm theo hợp đồng là phần không thể tách rời của hợp đồng này.

12.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các bên hoàn tất mọi nghĩa vụ hợp đồng và ký biên bản thanh lý hợp đồng.

12.5. Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



Trần Thị Thơm



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Lợi

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 01

(Của hợp đồng dịch vụ số...../XLNT/NN-2023)

DỰ ÁN: THIẾT KẾ, CUNG CẤP THIẾT BỊ VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS, CÔNG SUẤT 80 M³/NGÀY.ĐÊM
ĐỊA ĐIỂM: LÔ E5, ĐƯỜNG SỐ 9, CỤM CÔNG NGHIỆP HẢI SƠN ĐỨC HÒA ĐÔNG, XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN, VIỆT NAM.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
CHI PHÍ XÂY DỰNG							
1	Ép cọc bê tông	-Đào đất -Ép cọc bê tông 200x200 (4 cây thép phi 14, Mac 250) -Số lượng cọc: 48 -Chiều dài cọc dự tính 10m	Nam Nhật	Gói	1.0		850.000.000
2	Hố thu gom	-Kích thước: DxRxH = 1.0 x 1.0 x 2.0 m -Đáy bê, thành bê, sàn nắp bê dày: 200mm -Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -2.0m	Nam Nhật	Cái	1.0		

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)
3	Bể tách mỡ	-Kích thước: DxRxH = 2.6 x 3.4 x 3.5 m -Đáy bể, thành bể, sàn nắp bể dày: 200mm -Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -3.5m	Nam Nhật	Cái	1.0		
4	Bể điều hoà	-Kích thước: DxRxH = 4.6 x 3.4 x 3.5 m -Đáy bể, thành bể, sàn nắp bể dày: 200mm - Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -3.5m	Nam Nhật	Cái	1.0		
5	Bể thiếu khí Anoxic	-Kích thước: DxRxH = 3.4 x 3.4 x 3.5 m -Đáy bể, thành bể, sàn nắp bể dày: 200mm - Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -3.5m	Nam Nhật	Cái	1.0		

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
6	Bể hiếu khí Aerotank	-Kích thước: DxRxC = 6.9 x 3.4 x 3.5 m -Đáy bể, thành bể, sàn nắp bể dày: 200mm - Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -3.5m	Nam Nhật	Cái	1.0		
7	Bể lắng sinh học	-Kích thước: DxRxC = 3.4 x 3.4 x 3.5 m -Đáy bể, thành bể, sàn nắp bể dày: 200mm -Vật liệu: Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -3.5m	Nam Nhật	Cái	1.0		
8	Bể khử trùng	-Kích thước: DxRxC = 3.4 x 1.4 x 3.5 m -Đáy bể, thành bể, sàn nắp bể dày: 200mm -Vật liệu: Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -3.5m	Nam Nhật	Cái	1.0		

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
9	Bể chứa bùn	- Kích thước: DxRxH = 3.4 x 2.2 x 3.5 m - Đáy bể, thành bể, sàn nắp bể dày: 200mm - Vật liệu: BTCT, Mac 250, thép Pomina phi 8, 12, 2 lớp, chống thấm hoàn thiện. Cao độ: -3.5m	Nam Nhật	Cái	1.0		
B	CHI PHÍ VẬT TƯ, THIẾT BỊ						
I	HỒ THU GOM (T01)						
1	Song chắn rác (SC01)	- Vật liệu: SS304 - Kích thước khe: 12mm	Việt Nam	Cái	1.0	7.000.000	7.000.000
2	Phao báo mức nước (LS01)	- Loại: phao quả - Chiều dài dây điện: 5m - Nhiệt độ làm việc: 0-50 - Cấp độ bảo vệ: IP68	Kripal/Tai wan	Cái	1.0	350.000	350.000
3	Bơm nước thải (WP01-A/B)	- Loại: bơm chìm - Lưu lượng: 7-4m ³ /h - Cột áp: 4-6m - Điện áp: 220V/380V - Công suất: 0.37kW	Evergush/Tai wan	Cái	2,0	5.320.000	10.640.000
II	BỂ TÁCH MỠ (T02)						

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Song chắn rác (SC02)	- Vật liệu: SS304 - Kích thước khe: 5-10mm	Việt Nam	Cái	1,0	7.000.000	7.000.000
III		BỂ ĐIỀU HOÀ (T03)					
1	Phao báo mức nước (LS03)	- Loại: phao quả - Chiều dài dây điện: 5m - Nhiệt độ làm việc: 0-50 - Cấp độ bảo vệ: IP68	Kripal/Tai wan	Cái	1,0	350.000	350.000
2	Bơm nước thải (WP03-A/B)	- Loại: bơm chìm - Lưu lượng: 7-4m ³ /h - Cột áp: 4-6m - Điện áp: 220V/380V - Công suất: 0,37kW	Evergush/Tai wan	Cái	2,0	5.320.000	10.640.000
3	Đĩa thổi khí	- Vật liệu: EDPM - Đường kính đĩa: 270mm - 9inch - Kiểu đĩa thoát khí: dạng bọt min - Lưu lượng thoát khí tối đa: 0 - 12 m ³ /h - Lưu lượng thiết kế: 2,5 - 5 m ³ /h - Số lỗ thoát khí: 6600 lỗ	SSI/USA	Cái	12,0	322.000	3.864.000
IV		BỂ THIẾU KHÍ (T04)					

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Mixer khuấy chìm (MX04-A/B)	-Công suất: 1,5Kw -Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	Asitech/Taiwan	Cái	2,0	27.230.000	54.460.000
2	Thanh trượt	-Vật liệu: Hộp SS304	Việt Nam	Cái	2,0	7.000.000	14.000.000
V	BỀ HIẾU KHÍ (T05)						
1	Máy thổi khí (AB05-A/B)	-Q = 6-7 m ³ /min, H = 3-3.5 m -Phụ kiện kèm theo: Ống giảm thanh hút, Ống giảm thanh đáy, van một chiều, belt cover, đồng hồ áp lực, pulley, cuato, khung đế, khớp nối mềm *Động cơ Công suất: 7.5Kw/3pha/ 380V	Longtech/Taiwan	Cái	2,0	55.300.000	110.600.000
2	Đĩa phân phối khí	Vật liệu: EDPM Đường kính đĩa: 270mm - 9inch Kiểu đĩa thoát khí: dạng bột mịn Lưu lượng thoát khí tối đa: 0 - 12 m ³ /h Lưu lượng thiết kế: 2.5 - 5 m ³ /h Số lỗ thoát khí: 6600 lỗ	SSI/USA	Cái	40,0	322.000	12.880.000
3	Bơm tuần hoàn Nitrat	-Loại: bơm chìm -Lưu lượng: 7-4m ³ /h	Evergush/Taiwan	Cái	2,0	5.320.000	10.640.000

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
	(RP05-A/B)	-Cột áp: 4-6m -Điện áp: 220V/380V -Công suất: 0.37kW					
VI	BỂ LẮNG SINH HỌC (T06)						
1	Bơm tuần hoàn bùn (SP06-A/B)	-Loại: bơm chìm -Lưu lượng: 7-4m ³ /h -Cột áp: 4-6m -Điện áp: 220V/380V -Công suất: 0.37kW	Evergush/Taiwan	Cái	2,0	5.320.000	10.640.000
2	Bơm bùn dư (SP06C)	-Loại: bơm chìm -Lưu lượng: 7-4m ³ /h -Cột áp: 4-6m -Điện áp: 220V/380V -Công suất: 0.37kW	Evergush/Taiwan	Cái	1,0	Nam Nhật hỗ trợ	Nam Nhật hỗ trợ
3	Máng răng cưa, ống lắng trung tâm	-Vật liệu: SS304 dày 2mm	Việt Nam	Hệ	1,0	17.500.000	17.500.000
VII	BỂ KHỬ TRÙNG (T07)						

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Phao báo mức nước (LS07)	-Loại: phao quả -Chiều dài dây điện: 5m -Nhiệt độ làm việc: 0-50 -Cấp độ bảo vệ: IP68	Kripal/Taiwan	Cái	1,0	350.000	350.000
2	Bơm nước sau xử lý (WP07-A/B)	-Loại: bơm chìm -Lưu lượng: 7-4m ³ /h -Cột áp: 4-6m -Điện áp: 220V/380V -Công suất: 0.37kW	Evergush/Taiwan	Cái	2,0	5.320.000	10.640.000
3	Đồng hồ đo lưu lượng nước đầu vào - đầu ra	Đồng hồ cơ: -Nhiệt độ max: 50oC -Cấp chính xác: Class B -Lưu lượng định danh: Qn=15m ³ /h -Lưu lượng nhỏ nhất: Qmin=0,3m ³ /h -Lưu lượng lớn nhất: Qmax=30m ³ /h -Áp lực max: 16bar	Flowtech/Malaysia	Cái	2,0	Nam Nhật hỗ trợ	Nam Nhật hỗ trợ
VIII		HỆ HÓA CHẤT					
1	Bồn chứa hóa chất	-Bồn nhựa đứng -Thể tích: 300l	Đại Thành/Việt Nam	Cái	1,0	1.470.000	1.470.000

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	DVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
	khử trùng (CH01)						
2	Bơm hóa chất (DP01-A/B)	<ul style="list-style-type: none"> - Loại: Bơm cạn - Công suất: 125 W - Cột áp max: 25m - Lưu lượng: 1.8m3/h 	Panasonic/Indonesia	Cái	2,0	1.400.000	2.800.000
IX	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ						
1	Đường ống công nghệ, phụ kiện (van, co, Tê...)	<ul style="list-style-type: none"> -Ống dẫn nước: PVC -Ống dẫn hóa chất: PVC -Ống dẫn khí: PVC, thép CT03 	Bình Minh/Việt Nam	Hệ	1,0	51.800.000	51.800.000
X	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN						
1	Tủ điện điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> Tủ điện cơ, điều khiển theo 2 chế độ tự động và bằng tay: -Vật liệu vỏ tủ điện: thép phủ sơn tĩnh điện cả 2 mặt trong và ngoài. -Các ngăn tủ có độ bảo vệ tối thiểu IP54. -Tủ có hệ thống tiếp đất cho toàn bộ các ngăn. -Dây điện bên trong tủ có tiết diện tối thiểu 1.5mm². 	Việt Nam	Hệ	1,0	43.600.000	43.600.000

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
		-Vật tư cho tủ điện: +MCB và MCCB: LS/Korea +Contactor: LS/Korea +Rơ le trung gian: LS/Korea +Bảo vệ mất pha: LS/Korea +Đèn báo: Indec/Japan +Công tắc 3 VT: Indec/Japan +Cáp điện: Cadivi/Việt Nam +Biên bản cho máy thổi khí: Mitsubishi/Japan (Biên bản kiểm soát công suất động cơ, tiết kiệm điện năng tiêu thụ, tăng tuổi thọ cho thiết bị)					
2	Dây động lực kết nối thiết bị về tủ điện	-Các động cơ 3 pha sử dụng dây 4 lõi bọc PVC. -Các động cơ 1 pha sử dụng dây 2 lõi bọc PVC. -Tất cả các đầu nối thiết bị với tủ điều khiển đều sử dụng đầu cốt nối dây giúp tăng khả năng dẫn điện giữa cáp điện với thiết bị.	Cadivi/Việt Nam	Hệ	1,0	28.000.000	28.000.000
C	CHI PHÍ KHÁC						
1	Chi phí nhân công thi công, lắp đặt thiết bị		Nam Nhật	Hệ	1,0	49.000.000	49.000.000

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	
2	Chi phí hóa chất, nhân công vận hành thử nghiệm, hướng dẫn vận hành, lấy mẫu phân tích		Nam Nhật	Hệ	1,0	25.200.000	25.200.000	
3	Chi phí nuôi cấy bùn vi sinh hiệu khí-thiếu khí		Nam Nhật	Hệ	1,0	30.800.000	30.800.000	
A		CHI PHÍ XÂY DỰNG					850.000.000	
B		CHI PHÍ VẬT TƯ - THIẾT BỊ					409.224.000	
C		CHI PHÍ KHÁC					105.000.000	
		TỔNG CHI PHÍ (CHƯA VAT) : A + B + C					1.364.224.000	
		VAT 8 %					109.137.920	
		TỔNG TIỀN (SAU VAT)					1.473.361.920	

(Bảng chữ : Một tí, bốn trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi đồng)



Trần Thị Thơm



*GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tú*

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 02

(Của hợp đồng dịch vụ số...../XLNT/NN-2023)

DỰ ÁN: THIẾT KẾ, CUNG CẤP THIẾT BỊ VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS, CÔNG SUẤT 80 M³/NGÀY.ĐÊM
ĐỊA ĐIỂM: LÔ E5, ĐƯỜNG SỐ 9, CỤM CÔNG NGHIỆP HẢI SƠN ĐỨC HÒA ĐÔNG, XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN, VIỆT NAM.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS

A CÁC HẠNG MỤC HỒ TRỢ					
1	Thực hiện hồ sơ xin giấy phép môi trường	Nam Nhật	Hệ	1,0	-
2	Hỗ trợ kỹ thuật xử lý nước thêm 06 tháng tính từ sau khi ký bản giao nghiệm thu	Nam Nhật	Hệ	1,0	-
3	Cam kết hệ thống chịu tải được cho phương tiện có tải trọng tới 20 tấn qua lại.	Nam Nhật			



Trần Thị Thơm



Giám Đốc
Lê Văn Tươi

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 03

(Của hợp đồng dịch vụ số...../XLNT/NN-2023)

DỰ ÁN: THIẾT KẾ, CUNG CẤP THIẾT BỊ VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS, CÔNG SUẤT 80 M3/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM: LÔ E5, ĐƯỜNG SỐ 9, CỤM CÔNG NGHIỆP HẢI SƠN ĐỨC HÒA ĐÔNG, XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS

STT	Thiết bị hoạt động	Đơn vị	SI	SI Hoạt động	Công suất thiết bị (Kw)	Số giờ HD	Điện năng tiêu thụ (Kw)		Giá điện (VNĐ)	Chi phí điện năng (VNĐ)		
							1 GIỜ	1 NGÀY		30 NGÀY	1 GIỜ	1 NGÀY
	Hồ thu gom (T01)											
1	Bơm thu gom (WP01-A/B)	Cái	2	1	0,37	6	0,37	2,22	66,60	1.221	7.326	219.780
	Bể điều hoà (T03)											
1	Bơm điều hoà (WP03-A/B)	Cái	2	1	0,37	12	0,37	4,44	133,20	1.221	14.652	439.560
	Bể Anoxic (T04)											
1	Mixer khuấy chìm (MX04-A/B)	Cái	2	1	1,50	12	1,50	18,00	540,00	4.950	59.400	1.782.000
	Bể Aerotank (T05)											
1	Bơm tuần hoàn Nitrat (RP05-A/B)	Cái	2	1	0,37	8	0,37	2,96	88,80	1.221	9.768	293.040

2	Máy thổi khí (AB05-A/B)	Cái	2	1	7,50	12	7,50	90,00	2.700,00	3.300	24.750	297.000	8.910.000
Bể lắng sinh học (T06)													
1	Bơm tuần hoàn bùn (SP06-A/B)	Cái	2	1	0,37	5	0,37	1,85	55,50	3.300	1.221	6.105	183.150
2	Bơm bùn thải (SP06C)	Cái	1	1	0,37	1	0,37	0,37	11,10	3.300	1.221	1.221	36.630
Bể khử trùng (T07)													
1	Bơm nước sau xử lý (WP07-A/B)	Cái	2	1	0,37	12	0,37	4,44	133,20	3.300	1.221	14.652	439.560
2	Bơm hoá chất (DP01-A/B)	Cái	2	1	0,125	12	0,13	1,50	45,00	3.300	413	4.950	148.500
Tổng					11,35		11,35	125,8	3.773,4		37.439	415.074	12.452.220

*Giá điện: 3300 (đồng/kWh) luôn VAT. Giá điện từ cụm công nghiệp Đức Hoà Đông.

CHI PHÍ HOÁ CHẤT TIÊU THỤ

STT	Tên hoá chất	Lưu lượng (m3/h)	Định mức (l/m3)	Khối lượng (l/Ngày)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	
						1 Ngày	30 Ngày
1	Dung dịch Javen	80	0,03	2,40	11.000	26.400	792.000



Trần Thị Thơm



Le Văn Lợi